

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và  
Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký kinh doanh số** 0104346228

ngày 24 tháng 12 năm 2009

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104346228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2014.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Cường  
Ông Đỗ Trọng Quỳnh  
Ông Nguyễn Cao Tiến  
Ông Đỗ Bảo Hưng  
Ông Nguyễn Văn Chính  
Ông Vũ Quý Hà

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 29/5/2015)  
Thành viên (đến ngày 29/5/2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Chính  
Ông Nguyễn Cao Tiến  
Ông Nguyễn Long

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc (từ ngày 7/2/2015)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 8, Tòa nhà Vinaconex 2, 52 Lạc Long Quân  
Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam


**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm B

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
Nguyễn Văn Chính  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2016



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 4 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

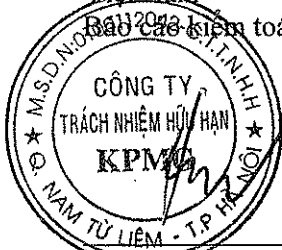
Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh 26 của báo cáo tài chính đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trước các điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được trình bày tại Thuyết minh 26 của báo cáo tài chính) được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trong báo cáo kiểm toán ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-539



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2016

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>53.482.540.845</b>	<b>61.005.569.719</b> ✓
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.408.968.397</b>	<b>15.666.251.159</b>
Tiền	111		408.968.397	12.666.251.159
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.860.606.697</b>	<b>36.559.810.381</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.736.653.727	33.342.488.651
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.798.880.146	1.183.089.652
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.636.969.652	2.279.184.906
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(311.896.828)	(244.952.828)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>5.829.131.587</b>	<b>8.746.374.286</b>
Hàng tồn kho	141		6.414.024.255	9.331.266.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(584.892.668)	(584.892.668)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>383.834.164</b>	<b>33.133.893</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		350.700.271	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33.133.893	33.133.893
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.780.974.729</b>	<b>4.796.539.129</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.703.825.490</b>	<b>4.758.210.752</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.703.825.490	4.758.210.752
Nguyên giá	222		13.757.885.993	13.668.458.720
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.054.060.503)	(8.910.247.968)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.149.239</b>	<b>38.328.377</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		77.149.239	38.328.377
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>57.263.515.574</b>	<b>65.802.108.848</b> ✓

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

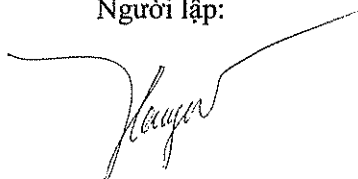
**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>41.652.751.253</b>	<b>50.497.469.666</b> ✓
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.784.658.083</b>	<b>47.629.376.496</b> ✓
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	25.298.944.504	26.014.253.928
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		605.263.455	12.202.563.715
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	13	459.771.180	1.766.077.291
Phải trả người lao động	314		425.136.412	312.785.452
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.244.581.594	2.554.232.390
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	3.013.782.383	2.738.331.625
Vay ngắn hạn	320	16	5.531.206.000	1.835.048.985
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		74.370.879	67.781.434
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		131.601.676	138.301.676
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.868.093.170</b>	<b>2.868.093.170</b>
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	2.868.093.170	2.868.093.170
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>15.610.764.321</b>	<b>15.304.639.182</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>15.610.764.321</b>	<b>15.304.639.182</b>
Vốn cổ phần	411	18	19.261.000.000	19.061.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.261.000.000	19.061.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	4.000.000	4.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	660.966.770	660.966.770
Lỗ lũy kế	421		(4.315.202.449)	(4.421.327.588)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.421.327.588)	(4.482.170.695)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.125.139	60.843.107
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>57.263.515.574</b>	<b>65.802.108.848</b>

Ngày 12 tháng 4 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hải Yến  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

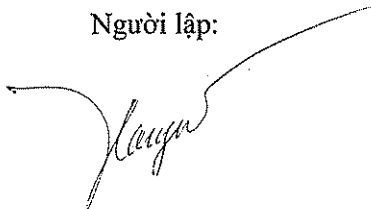
**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	58.767.940.205	17.565.770.823
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	54.751.535.809	16.014.643.305
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.016.404.396</b>	<b>1.551.127.518</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		224.416.968	261.513.311
Chi phí tài chính	22		265.648.731	7.184.429
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		265.648.731	7.184.429
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.066.744.269	2.536.367.720
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>908.428.364</b>	<b>(730.911.320)</b>
Thu nhập khác	31		28.008	1.347.091.516
Chi phí khác	32		802.331.233	555.337.089
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(802.303.225)</b>	<b>791.754.427</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>106.125.139</b>	<b>60.843.107</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>106.125.139</b>	<b>60.843.107</b>

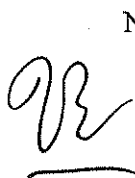
Ngày 12 tháng 4 năm 2016

Người lập:

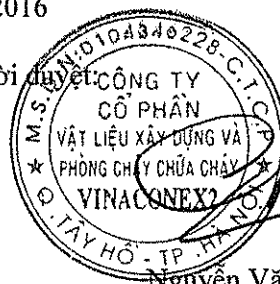


Nguyễn Hải Yên  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>106.125.139</b>	<b>60.843.107</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		1.143.812.535	899.752.810
Các khoản dự phòng	03		73.533.445	(459.807.672)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(224.416.968)	(1.371.513.311)
Chi phí lãi vay	06		265.648.731	7.184.429
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b> <b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.364.702.882</b>	<b>(863.540.637)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(7.451.219.444)	3.201.985.317
Biến động hàng tồn kho	10		2.917.242.699	(3.416.476.172)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(12.621.323.118)	8.969.487.579
Biến động chi phí trả trước	12		(389.521.133)	(1.011.655.574)
			<b>(16.180.118.114)</b>	<b>6.879.800.513</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(185.090.486)	(7.184.429)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		106.479.128	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.700.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b> <b>kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(16.265.429.472)</b>	<b>6.872.616.084</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(89.427.273)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	1.110.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		201.416.968	269.013.311
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b> <b>đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>111.989.695</b>	<b>1.379.013.311</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		200.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		6.930.763.147	3.955.925.665
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.234.606.132)	(2.120.876.680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.896.157.015</b>	<b>1.835.048.985</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.257.282.762)</b>	<b>10.086.678.380</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>15.666.251.159</b>	<b>5.579.572.779</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.408.968.397</b>	<b>15.666.251.159</b>

Ngày 12 tháng 4 năm 2016

Người lập:

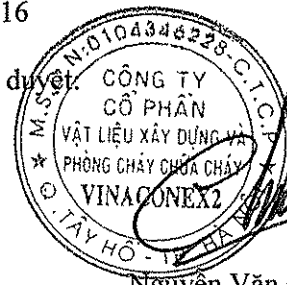


Nguyễn Hải Yên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 45 nhân viên (1/1/2015: 54 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200.

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(c) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

**(e) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**(g) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(h) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(i) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(j) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(k) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(l) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Công ty Cổ phần Xây dựng số 2), công ty mẹ cấp cao nhất (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), các công ty liên kết của công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	26.747.815	128.148.777
Tiền gửi ngân hàng	382.220.582	12.538.102.382
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.408.968.397	15.666.251.159
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm 3 tỷ VND (1/1/2015: 3 tỷ VND) được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	8.343.147.067	18.449.619.567
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	4.305.182.028	4.284.934.673
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	240.405.275	1.433.588.080
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp IMMICO	1.199.636.500	1.349.636.500
Ban Quản lý Dự án Mỹ Đình 1	393.502.000	1.243.502.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	1.182.770.000	1.480.970.000
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	14.357.917.457	-
Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Vạn Xuân	2.894.597.824	-
Các khách hàng khác	4.819.495.576	5.100.237.831
	<b>37.736.653.727</b>	<b>33.342.488.651</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 – công ty mẹ	8.343.147.067	18.449.619.567
Các công ty liên quan khác	4.305.182.028	4.284.934.673
	<b>12.648.329.095</b>	<b>22.734.554.240</b>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể được thanh toán khi có yêu cầu.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu người lao động	4.141.422.384	1.781.851.124
Ký cược, ký quỹ	83.724.442	190.203.570
Phải thu khác	411.822.826	307.130.212
	<b>4.636.969.652</b>	<b>2.279.184.906</b>



**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2015		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 3 năm	133.888.000	133.888.000	-
Vũ Hồng Vinh - Công trình				
Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	66.792.828	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	37.660.000	-
Khác	Trên 3 năm	73.556.000	73.556.000	-
		<u>311.896.828</u>	<u>311.896.828</u>	<u>-</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 311.896.828

	Số ngày quá hạn	1/1/2015		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 2 năm	133.888.000	66.944.000	66.944.000
Vũ Hồng Vinh - Công trình				
Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	66.792.828	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	37.660.000	-
Khác	Trên 3 năm	73.556.000	73.556.000	-
		<u>311.896.828</u>	<u>244.952.828</u>	<u>66.944.000</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 244.952.828

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	239.606.512	-	320.103.563	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	32.255.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.260.182.868	-	8.064.673.516	-
Thành phẩm	914.234.875	(584.892.668)	914.234.875	(584.892.668)
	<hr/>		<hr/>	
	6.414.024.255	(584.892.668)	9.331.266.954	(584.892.668)
	<hr/>		<hr/>	

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	493.468.595	12.878.403.762	46.586.363	250.000.000	13.668.458.720
Tăng trong năm	49.700.000	-	39.727.273	-	89.427.273
Số dư cuối năm	543.168.595	12.878.403.762	86.313.636	250.000.000	13.757.885.993
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	485.106.236	8.136.568.205	46.586.363	241.987.164	8.910.247.968
Khấu hao trong năm	13.332.357	1.109.224.922	13.242.420	8.012.836	1.143.812.535
Số dư cuối năm	498.438.593	9.245.793.127	59.828.783	250.000.000	10.054.060.503
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	8.362.359	4.741.835.557	-	8.012.836	4.758.210.752
Số dư cuối năm	44.730.002	3.632.610.635	26.484.853	-	3.703.825.490

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.451 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 969 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	2.732.980.702	546.596.140	3.662.190.602	805.681.932

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2017	Chưa quyết toán	1.209.819.471
2018	Chưa quyết toán	1.523.161.231
		<hr/> <hr/> 2.732.980.702

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu xây dựng Phương Bắc	709.473.000	709.473.000	809.473.000	809.473.000
Công ty TNHH Trường Hải	299.951.730	299.951.730	9.942.239.270	9.942.239.270
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Đạt	994.620.000	994.620.000	1.344.620.000	1.344.620.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hà Nội	1.458.845.000	1.458.845.000	2.571.445.000	2.571.445.000
Doanh nghiệp tư nhân Thành Hương	1.484.458.509	1.484.458.509	1.584.458.509	1.584.458.509
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	2.194.179.164	2.194.179.164	1.912.258.708	1.912.258.708
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long	1.264.674.836	1.264.674.836	1.157.245.603	1.157.245.603
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng An Thịnh	3.824.736.796	3.824.736.796	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Nông thôn	531.027.200	531.027.200	-	-
Các nhà cung cấp khác	12.536.978.269	12.536.978.269	6.692.513.838	6.692.513.838
	<b>25.298.944.504</b>	<b>25.298.944.504</b>	<b>26.014.253.928</b>	<b>26.014.253.928</b>

**(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ	2.194.179.164	2.194.179.164	1.912.258.708	1.912.258.708

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.435.131.444	1.262.575.807	(2.573.511.168)	124.196.083
Thuế thu nhập cá nhân	3.589.120	13.831.427	(9.202.177)	8.218.370
Thuế tài nguyên	327.356.727	-	-	327.356.727
	<b>1.766.077.291</b>	<b>1.276.407.234</b>	<b>(2.582.713.345)</b>	<b>459.771.180</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công trình	3.134.267.090	2.503.783.670
Chi phí thuê văn phòng	13.689.592	12.640.000
Lãi vay ngân hàng	96.624.912	16.066.667
Chi phí phải trả khác	-	21.742.053
	<b>3.244.581.594</b>	<b>2.554.232.390</b>

**15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	28.666.750	16.640.168
Bảo hiểm xã hội	40.420.268	40.116.092
Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ	2.660.535.365	2.660.535.365
Các khoản phải trả khác	284.160.000	21.040.000
	<b>3.013.782.383</b>	<b>2.738.331.625</b>

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b). Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Giá trị chênh lệch tài sản bàn giao và vốn góp từ Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ	2.668.093.170	2.668.093.170
Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ	200.000.000	200.000.000
	2.868.093.170	2.868.093.170

**(c) Phải trả khác cho các công ty liên quan**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ	5.528.628.535	5.528.628.535

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.835.048.985	6.930.763.147	(3.234.606.132)	5.531.206.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	VND	Thả nổi	2.881.206.000	885.048.985
Vay từ các cá nhân (ii)	VND	9% - 9,95%	2.650.000.000	950.000.000
			5.531.206.000	1.835.048.985

(i) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam được đảm bảo bởi số dư tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 3 tỷ VND (1/1/2015: 3 tỷ VND) (Thuyết minh 5).

(ii) Các khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất từ 9%/năm đến 9,95%/năm.

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	19.061.000.000	4.000.000	73.440.752	587.526.018	(4.482.170.695)	15.243.796.075
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	60.843.107	60.843.107
Số dư tại ngày 31/12/2014	19.061.000.000	4.000.000	73.440.752	587.526.018	(4.421.327.588)	15.304.639.182
- Theo báo cáo trước đây	-	-	(73.440.752)	73.440.752	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	19.061.000.000	4.000.000	-	660.966.770	(4.421.327.588)	15.304.639.182
- Đã phân loại lại	200.000.000	-	-	-	-	200.000.000
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	106.125.139	106.125.139
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	19.261.000.000	4.000.000	-	660.966.770	(4.315.202.449)	15.610.764.321



**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.926.100	19.261.000.000	1.906.100	19.061.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.926.100	19.261.000.000	1.906.100	19.061.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.926.100	19.261.000.000	1.906.100	19.061.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**19. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	56.953.466.831	15.591.098.781
▪ Cho thuê thiết bị	1.814.473.374	1.974.672.042
	<b>58.767.940.205</b>	<b>17.565.770.823</b>

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Giá vốn hàng bán**

	2015 VND	2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán bê tông thương phẩm	-	45.120.837
▪ Bơm bê tông	-	11.055.364
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	53.528.065.475	14.780.738.794
▪ Cho thuê thiết bị	1.223.470.334	1.177.728.310
	54.751.535.809	16.014.643.305

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.859.936.040	1.328.338.818
Chi phí khấu hao	8.012.836	32.051.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.309.732	488.636.835
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	713.485.661	687.340.787
	3.066.744.269	2.536.367.720

**23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	37.629.400.464	8.849.373.014
Chi phí nhân công	16.372.906.229	6.930.174.069
Chi phí khấu hao	1.143.812.535	899.752.810
Chi phí khác	2.605.216.850	1.871.711.132

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.125.139	60.843.107
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.347.531	13.385.484
Chi phí không được khấu trừ thuế	181.078.647	125.464.574
Lỗ tính thuế được sử dụng	(204.426.178)	(138.850.058)
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.000.000	4.005.694
Mua hàng hóa và dịch vụ	351.508.331	356.717.817
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 - công ty liên quan</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	200.224.868	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	752.089.907	288.510.930

**Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Số liệu so sánh**

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2014, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc cùng ngày. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Phải thu ngắn hạn khác	303.208.830	3.921.382	307.130.212	2.279.184.906
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	33.466.155	332.262	33.133.893	33.133.893
Tài sản ngắn hạn khác	1.972.054.694	-	1.972.054.694	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.762.488.171	3.589.130	1.766.077.291	1.766.077.291
Quỹ đầu tư phát triển	587.526.018	-	587.526.018	660.966.770
Quỹ dự phòng tài chính	73.440.752	-	73.440.752	-



Ngày 12 tháng 4 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Hải Yên  
 Kế toán tổng hợp

CÔNG CHỨNG VIÊN  
 LƯƠNG THỊ BÍCH HUỆ

Lê Thị Tuyết Anh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
 Giám đốc